

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2020

PHẦN THỨ NHẤT

TỔNG QUAN CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐẮK LẮK

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Việc xếp hạng chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk (DTI) là cơ sở khoa học để xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển, chuyển đổi số của tỉnh.

- Tạo điều kiện để các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi chỉ số, các tiêu chí thành phần về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị; đồng thời, xây dựng các chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng, hiệu quả chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu chung của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bộ chỉ số chuyển đổi số phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Bộ chỉ số chuyển đổi số tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Bộ chỉ số chuyển đổi số nhằm hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong quá trình áp dụng, triển khai chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị.

- Sử dụng thống nhất hệ thống phần mềm nhằm hỗ trợ, phục vụ cho việc thu thập, cập nhật số liệu và xác định các chỉ số chuyển đổi số. Đồng thời, tăng cường sự tham gia đánh giá của các tổ chức, cá nhân có chuyên môn trong quá trình đánh giá chuyển đổi số.

3. Quá trình xây dựng Bộ chỉ số

- Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của Quốc gia”; tháng 7/2021, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự thảo Bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia góp ý kiến.

- Ngày 06/8/2021, Sở Thông tin và Truyền thông có Tờ trình số 74/TTr-

STTTT đề nghị UBND tỉnh xem xét ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk để đánh giá chỉ số chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị năm 2020; đồng thời làm nền tảng để rút kinh nghiệm, hoàn thiện Bộ chỉ số khi có hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá trong các năm tiếp theo

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 về Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk.

4. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Thu thập, tổng hợp theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần của Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk được ban hành tại Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 01/9/2021.

b) Đối tượng áp dụng:

- 18 sở, ban, ngành (gọi chung cấp sở):

- + Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- + Sở Xây dựng.
- + Sở Thông tin và Truyền thông.
- + Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.
- + Sở Giao thông vận tải.
- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- + Sở Giáo dục và Đào tạo.
- + Sở Khoa học và Công nghệ.
- + Sở Tài chính.
- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- + Sở Tư pháp.
- + Sở Ngoại vụ.
- + Sở Y tế.
- + Sở Công Thương.
- + Sở Nội vụ.
- + Sở Tài nguyên và Môi trường.
- + Thanh tra tỉnh.
- + Ban Dân tộc tỉnh.

- 15 UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện).

II. NỘI DUNG BỘ CHỈ SỐ

1. Chỉ số chuyển đổi số cấp Sở

a) Bộ tiêu chí xác định Chỉ số chuyển đổi số cấp sở: Có 01 trụ cột chính là Chính quyền số, bao gồm 06 nhóm chỉ số thành phần, mỗi nhóm chỉ số thành phần có các tiêu chí và tiêu chí con.

- Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức.
- Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế.
- Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số.
- Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số.
- Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng.
- Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực.

b) Thang điểm đánh giá đối với Chỉ số chuyển đổi số cấp sở là 180 điểm, trong đó:

- Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức: 27 điểm.
- Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 22 điểm.
- Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 9 điểm.
- Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số: 55 điểm.
- Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng: 35 điểm.
- Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực: 32 điểm.

2. Chỉ số chuyển đổi số của UBND cấp huyện

a) Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp huyện: Có 03 trụ cột chính là Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.

- Mỗi trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số có 07 nhóm chỉ số thành phần, mỗi nhóm chỉ số thành phần có các tiêu chí con.

- + Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức.
- + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế.
- + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số.
- + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số.
- + Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số.
- + Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng.
- + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực.

b) Thang điểm đánh giá đối với Chỉ số chuyển đổi số cấp huyện là 420 điểm, trong đó:

- Trụ cột Chính quyền số là 200 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức: 32 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 27 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 19 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số: 8 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về hoạt động chính quyền số: 57 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về an toàn, an ninh mạng: 25 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực: 32 điểm.
- Trụ cột Kinh tế số là 95 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức: 25 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 18 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 8 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số: 12 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về hoạt động kinh tế số: 29 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực kinh tế số: 3 điểm.
- Trụ cột Xã hội số là 125 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về chuyển đổi nhận thức: 25 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về kiến tạo thể chế: 24 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về phát triển hạ tầng và nền tảng số: 10 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về thông tin và dữ liệu số: 10 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về hoạt động xã hội số: 19 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về an toàn an ninh mạng: 15 điểm.
 - + Chỉ số đánh giá về đào tạo và phát triển nhân lực xã hội số: 22 điểm.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nguyên tắc thực hiện đánh giá, xếp hạng

- Việc đánh giá chuyển đổi số của cơ quan nhà nước phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch, phản ánh đúng thực trạng chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị tại thời điểm đánh giá.
- Cho phép cơ quan, đơn vị tự đánh giá và đối chiếu với kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông thông qua việc công khai phương pháp đánh giá, cách tính điểm đối với các nội dung đánh giá.

2. Phương pháp đánh giá và cho điểm

- Việc đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện bằng hình thức cho điểm đối với các nội dung đánh giá.

- Thời gian của việc đánh giá, xếp hạng được thực hiện trong cả năm từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cách tính điểm đối với các nội dung như sau:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa cho các Sở, ban, ngành	Điểm tối đa cho UBND các huyện, thị xã, thành phố
I	Trụ cột Chính quyền số		
1	Chuyển đổi nhận thức	27	32
2	Kiến tạo thể chế	22	27
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số	9	19
4	Thông tin và dữ liệu số	-	8
5	Hoạt động chính quyền số	55	57
6	An toàn, an ninh mạng	35	25
7	Đào tạo và phát triển nhân lực	32	32
Tổng điểm		180	200
II	Trụ cột Kinh tế số		
1	Chuyển đổi nhận thức về Kinh tế số	-	25
2	Kiến tạo thể chế	-	18
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số	-	8
4	Thông tin và dữ liệu số	-	12
5	Hoạt động kinh tế số	-	29
6	Đào tạo và phát triển nhân lực kinh tế số	-	3
Tổng điểm		-	95
III	Trụ cột Xã hội số		
1	Chuyển đổi nhận thức về xã hội số	-	25

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa cho các Sở, ban, ngành	Điểm tối đa cho UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Kiến tạo thể chế	-	24
3	Phát triển hạ tầng và nền tảng số	-	10
4	Thông tin và dữ liệu số	-	10
5	Hoạt động xã hội số	-	19
6	An toàn, an ninh mạng	-	15
7	Đào tạo và phát triển nhân lực xã hội số	-	22
Tổng điểm		-	125

Cách tính điểm chi tiết từng nội dung của các sở, ban, ngành được trình bày tại Phụ lục IA và cho các huyện, thị xã, thành phố được trình bày tại Phụ lục IIA Quyết định số 2425/QĐ-UBND UBND tỉnh.

3. Xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước

- Việc xếp hạng chỉ số chuyển đổi số được thực hiện căn cứ vào số điểm của từng cơ quan để xếp hạng theo thứ tự từ cao đến thấp.

- Thực hiện xếp hạng tổng thể chỉ số chuyển đổi số với 02 nhóm cơ quan bao gồm:

+ Xếp hạng chỉ số chuyển đổi số các sở, ban, ngành.

+ Xếp hạng chỉ chuyển đổi số các UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Quá trình thu thập và xử lý số liệu

a) Công tác chuẩn bị

- Tháng 9/2021: Ngày 01/9/2021 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2425/QĐ-UBND về Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk.

- Ngày 13/9/2021, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 1548/STTTT-CNTT về việc cung cấp số phục vụ đánh giá chỉ số Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk từ thời điểm 01/01/2020 đến 31/12/2020.

- Tháng 10/2021 đến tháng 11/2021, Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng phần mềm đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước tỉnh Đắk Lắk để triển khai tại địa chỉ <http://dti.daklak.gov.vn> (Hệ thống DTI).

- Ngày 19/11/2021, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 2046/STTTT-CNTT về việc rà soát và cung cấp số liệu phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số tỉnh và tiến hành cập nhật vào Hệ thống DTI để làm cơ

sở đánh giá Chỉ số chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị nhà nước của tỉnh năm 2020 tại địa chỉ: <http://dti.daklak.gov.vn> đến 15 huyện, thị xã, thành phố và 18 sở, ban, ngành trên Hệ thống DTI.

- Từ ngày 19/11/2021 đến ngày 20/12/2021, các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát và cập nhật số liệu báo cáo trên phần mềm; kiểm tra sơ bộ; liên hệ, hiệu chỉnh số liệu; nhập số liệu.

- Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 30/12/2021, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, phân tích số liệu, thẩm định các chỉ số đánh giá xếp hạng chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành, thị; xây dựng nội dung Báo cáo đánh giá chỉ số chuyển đổi số.

b) Thu thập số liệu

Kết quả tính đến ngày 30/12/2021, có 13/15 UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo (*02 đơn vị không báo cáo là UBND huyện Krông Búk và UBND huyện M'Drăk*); 17/18 sở, ban, ngành báo cáo (*01 đơn vị không báo cáo là Sở Giao thông vận tải*).

c) Đánh giá sơ bộ về số liệu thu được

Quá trình xây dựng Bộ chỉ số chuyển đổi số, có thể nói là rất công phu, nghiêm túc, nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi, trao đổi thẳng thắn, lắng nghe và tiếp thu một cách hết sức cầu thị. Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng hoàn thiện phần mềm đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk (Hệ thống DTI) để đánh giá chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk. Việc đánh giá Chỉ số chuyển đổi số theo Quyết định số 2425/QĐ-UBND sẽ được thực hiện trên Hệ thống DTI để thay thế hình thức báo cáo bằng văn bản giấy.

Tuy nhiên, qua thẩm định kết quả báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống DTI, UBND tỉnh thấy vẫn còn phổ biến một số sai sót trong quá trình nhập liệu và tổng hợp số liệu điều tra như số liệu không hợp lý, nhập liệu chưa đúng theo yêu cầu, không có sự gắn kết số liệu của các chỉ số, các số liệu ước đoán, không chính xác, không có kèm tài liệu kiểm chứng...

d) Công tác kiểm tra, hiệu chỉnh số liệu

Sau khi kiểm tra, phát hiện sự thiếu hụt hoặc sự không hợp lý của số liệu, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành các công việc sau:

- Đăng nhập vào Hệ thống DTI gửi yêu cầu tới cơ quan, đơn vị (*qua địa chỉ thư công vụ*) đề nghị bổ sung, chỉnh sửa báo cáo lại số liệu.

- Thông qua các nguồn thông tin chính thức có thể như: Kiểm tra thực tế tại một số cơ quan, đơn vị; Các báo cáo định kỳ hằng năm của UBND các huyện, thành, thị, các sở, ban, ngành.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2020

I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

Bảng 1: Bảng điểm Chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành năm 2020

STT	Đơn vị	Tổng điểm 2020
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	155,41
2	Sở Thông tin và Truyền thông	141,17
3	Sở Tài chính	128,92
4	Sở Y tế	126,41
5	Sở Ngoại vụ	123,31
6	Sở Khoa học và Công nghệ	121,01
7	Sở Tư pháp	114,87
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	114,43
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	112,97
9	Sở Nội vụ	112,1
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	110,42
11	Sở Công Thương	110,37
13	Ban Dân tộc tỉnh	106,84
14	Thanh tra tỉnh	105,2
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	98,35
16	Sở Lao động, Thương Binh Xã Hội	87,75
17	Sở Xây dựng	85,18
18	Sở Giao thông vận tải	-
Giá trị trung bình		114,98

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Bảng 2: Bảng điểm Chỉ số chuyển đổi số các huyện, thị xã, thành phố năm 2020

TT	Tên huyện	Tổng điểm 2020			
		Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Tổng
1	UBND huyện Krông Năng	130,22	45	29,38	204,6
2	UBND huyện Krông Pắc	125,76	44,74	46,51	217,01
3	UBND huyện Ea H'leo	119,42	29,99	40,91	190,32
4	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	113,66	27,15	46,86	187,67
5	UBND thị xã Buôn Hồ	101,01	20	6,67	127,68
6	UBND huyện Krông Bông	97,19	25,3	27,15	149,64
7	UBND huyện Ea Kar	96,59	15,48	-	112,07
8	UBND huyện Krông Ana	91,91	29	20,66	141,57
9	UBND huyện Cư Kuin	90,4	19,34	23,96	133,7
10	UBND huyện Cư M'gar	81,9	17,5	8	107,4
11	UBND huyện Ea Súp	80,44	24,66	27,23	132,33
12	UBND huyện Buôn Đôn	64,26	15	23,72	102,98
13	UBND huyện Krông Búk	-	-	-	-
14	UBND huyện Lắk	55,86	15,75	23,89	95,5
15	UBND huyện M'Drăk	-			
Giá trị trung bình		88,97	23,5	19,58	146,34

PHẦN THỨ BA

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

I. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung

- Năm 2020, tỉnh Đắk Lắk là tỉnh đầu tiên trong cả nước đánh giá Chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, nhà nước thuộc tỉnh; cũng là lần đầu tiên Sở Thông tin và Truyền thông triển khai khảo sát, thu thập, kiểm tra số liệu báo cáo để phục vụ đánh giá Chỉ số chuyển đổi số qua hình thức trực tuyến tại địa chỉ: <https://dti.daklak.gov.vn> nên có nhiều khó khăn, cụ thể: Do các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chưa có nhiều kinh nghiệm triển khai; đặc biệt là nhận thức về vai trò, ý nghĩa của chỉ số đánh giá trong quản lý, điều hành tại cơ quan, đơn vị chưa thực sự được quan tâm đúng mức. Do đó, Chỉ số chuyển đổi số năm 2020 không thực hiện xếp hạng giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương mà chỉ là thước đo để các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát với kế hoạch chuyển đổi số của mình để điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ cho phù hợp với các mục tiêu về chuyển đổi số.

- Chỉ số đánh giá chuyển đổi số năm 2020 được kết cấu, biểu điểm theo hệ thống chỉ tiêu của Bộ Thông tin và Truyền thông, đồng thời bổ sung và cụ thể các chỉ tiêu về hiện đại hóa trong Chỉ số Cải cách hành chính (như tỷ lệ hồ sơ được xử lý mức độ 3,4; Tỷ lệ văn bản điện tử...).

- Kết quả Chỉ số chuyển đổi số cấp sở có điểm trung bình là 114,98 điểm; cấp huyện có điểm trung bình là 146,34 điểm.

- Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện: M'Drăk, Krông Búk không báo cáo số liệu trên Hệ thống DTI, điều này cho thấy công tác chuyển đổi số chưa được quan tâm và đầu tư đúng mức tại cơ quan, địa phương.

2. Đối với các sở, ban, ngành

- Năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có điểm cao nhất về Chỉ số đánh giá chuyển đổi số đạt 155,41 điểm. Có 01 đơn vị có kết quả từ 140 điểm đến 150 điểm là Sở Thông tin và Truyền thông 141,17 điểm. 12 đơn vị có kết quả từ 100 điểm đến dưới 140 điểm, 03 đơn vị dưới 100 điểm và 01 đơn vị không báo cáo.

- Điểm số trung bình chỉ số đánh giá chuyển đổi số năm 2020 của 3 đơn vị đứng đầu (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính) là 141.83 điểm so với 3 đơn vị thấp điểm (Thanh tra tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh Xã hội) là 57.64 điểm. Chênh lệch giữa hai nhóm đứng đầu và nhóm đứng cuối là 84.19 điểm cho thấy khoảng cách khá xa giữa hai nhóm này.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Trụ cột Chính quyền số:

Có 05 UBND các huyện, thị xã, thành phố (huyện Krông Năng, huyện Krông Pắc, huyện Ea H'leo, thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ) đạt số điểm trên 100 điểm với số điểm trung bình là 118,01; có 06 UBND các huyện, thị xã, thành phố đạt số điểm từ 80 đến dưới 100 điểm với số điểm trung bình là 89,73. UBND huyện Buôn Đôn có số điểm dưới 70 điểm. 02 đơn vị không báo cáo là: UBND huyện Krông Búk và Huyện M'Drăk.

- Trụ cột Kinh tế số:

Có 02 đơn vị đạt số điểm trên 40 điểm là UBND huyện Krông Pắc và UBND huyện Krông Năng với số điểm trung bình là 44,87 điểm; có 06 UBND các huyện, thị xã, thành phố (huyện Ea H'leo, thành Phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Bông, huyện Krông Ana, huyện Ea Súp, thị xã Buôn Hồ) đạt số điểm từ 20 đến dưới 30 điểm. UBND các huyện: Buôn Đôn; Ea Kar; Cư Kuin có số điểm dưới 20 điểm. 02 đơn vị không báo cáo là: UBND huyện Krông Búk và Huyện M'Drăk.

- Trụ cột Xã hội số:

Có 02 đơn vị đạt số điểm trên 45 điểm là UBND thành phố Buôn Ma Thuột và UBND huyện Krông Pắc với số điểm trung bình là 46,69 điểm; có 01 đơn vị có số điểm trên 40 và dưới 45 điểm là UBND huyện Ea H'leo đạt 40,91 điểm; có 07 UBND các huyện (huyện Buôn Đôn, Ea Súp, Cư Kuin, Krông Ana, Krông Bông, Krông Búk, Lắk) đạt số điểm từ 20 đến dưới 30 điểm. Đối với trụ cột Xã hội số thì có 02 đơn vị dưới 10 điểm là Huyện Cư M'gar và Thị Xã Buôn Hồ; có 03 đơn vị không báo cáo là: UBND huyện Ea Kar; UBND huyện Krông Búk và Huyện M'Drăk.

II. KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở đánh giá kết quả chuyển đổi số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng thời rút kinh nghiệm để triển khai xác định chỉ số đánh giá chuyển đổi số các năm tiếp theo được tốt hơn, phát huy vai trò tích cực của chỉ số chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; UBND tỉnh yêu cầu Thủ tướng các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai nghiêm túc một số nội dung sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, điều hành việc triển khai Chuyển đổi số theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án “Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 10717/KH-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô

thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền về kết quả chỉ số chuyển đổi số năm 2020 trong phạm vi đơn vị mình để nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc phát triển và ứng dụng CNTT và xác định Chỉ số chuyển đổi số. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm về quá trình triển khai và kết quả đánh giá chuyển đổi số năm 2020 để tìm ra nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc trong việc cải thiện nâng cao chất lượng chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, biện pháp cần thiết để phát huy những tiêu chí có điểm số cao, khắc phục những hạn chế, tồn tại của những tiêu chí đạt điểm thấp.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh; tạo thuận lợi cho việc triển khai Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại tỉnh Đắk Lắk; nâng cao hiệu quả hiệu lực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

4. Giao Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đánh giá, xếp hạng Chỉ số Chuyển đổi số đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2021 hoàn thành công bố trước trước 30/6/2022.

5. Thủ trưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương không thực hiện báo cáo số liệu chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả đánh giá chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2020, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương theo dõi, triển khai thực hiện. Các ý kiến liên quan đến kết quả đánh giá chỉ số chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2020, đề nghị gửi về UBND tỉnh (*thông qua Sở Thông tin và Truyền thông*) để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT;
 - TT. Tỉnh ủy;
 - TT. HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ban CĐ CCHC của tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - CVP, PCVP UBND tỉnh;
 - Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
 - Lưu: VT, KGVX (Nh-10b).
- (Báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà